Ký bởi: CỤC HẢI QUAN
Cơ quan: Số 9 Dương Đình Nghệ, Yên Hoà, Hà Nội
Thời gian ký: 12/11/2026 10:23:28 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH
CỤC HẢI QUAN
Số: 1812/QĐ-CHQ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Cục Hải quan

CỤC TRƯỞNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 66/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc quy định phân cấp thẩm quyền quản lý nội ngành của Bộ trưởng Bộ Tài chính trong các lĩnh vực quản lý ngân sách, tài sản công, đầu tư xây dựng, đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin;

Căn cứ Quyết định số 1431/QĐ-CHQ ngày 15/9/2025 của Cục trưởng Cục Hải quan về việc uỷ quyền ký Quyết định giao, điều chỉnh, bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, công khai quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1811/QĐ-CHQ ngày 11/11/2026 của Cục trưởng Cục Hải quan về việc điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Tài vụ-Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của **Cục Hải quan** (chi tiết theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Tài vụ-Quản trị và Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc Cục Hải quan theo Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính (Cục KHTC-để b/c);
- Đ/c Cục trưởng (để b/c);
- Đ/c Lưu Mạnh Tưởng-PCT (để b/c);
- Văn phòng (để đăng tải trên Cổng TTĐT);
- Lưu: VT, TVQT (01b).

TUQ. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG BAN TÀI VỤ - QUẢN TRỊ

Trịnh Văn Nhuận

Phụ lục

CÔNG KHAI ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 135/NQ-CP

(Kèm theo Quyết định số 4813/QĐ-HQ-CHQ ngày 11 tháng 11 năm 2026 của Cục trưởng Cục Hải quan)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH							TỔNG SỐ ĐÃ PHÂN BỔ						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	**34.546.000.000**	**34.546.000.000**	-	-	-	-	-	**34.546.000.000**	**34.546.000.000**	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	34.546.000.000	34.546.000.000	-	-	-	-	-	34.546.000.000	34.546.000.000	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	**4.340.027.218**	**30.014.177.218**	-	**112.299.000.000**	**137.973.150.000**	-	-	**4.340.027.218**	**30.014.177.218**	-	**112.299.000.000**	**137.973.150.000**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	**4.340.027.218**	**30.014.177.218**	-	**112.299.000.000**	**137.973.150.000**	-	-	**4.340.027.218**	**30.014.177.218**	-	**112.299.000.000**	**137.973.150.000**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	**4.340.027.218**	-	-	**43.980.200.000**	**39.640.172.782**	-	-	**4.340.027.218**	-	-	**43.980.200.000**	**39.640.172.782**	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	4.340.027.218	-	-	43.980.200.000	39.640.172.782	-	-	4.340.027.218	-	-	43.980.200.000	39.640.172.782	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**30.014.177.218**	-	**68.318.800.000**	**98.332.977.218**	-	-	-	**30.014.177.218**	-	**68.318.800.000**	**98.332.977.218**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	4.555.319.550	-	22.406.600.000	26.961.919.550	-	-	-	4.555.319.550	-	22.406.600.000	26.961.919.550	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	*268.912.378*	-	*280.500.000*	*549.412.378*	-	-	-	*268.912.378*	-	*280.500.000*	*549.412.378*	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	*2.114.958.878*	-	*7.861.600.000*	*9.976.558.878*	-	-	-	*2.114.958.878*	-	*7.861.600.000*	*9.976.558.878*	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	*2.171.448.294*	-	*14.264.500.000*	*16.435.948.294*	-	-	-	*2.171.448.294*	-	*14.264.500.000*	*16.435.948.294*	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	601.678.106	-	2.271.700.000	2.873.378.106	-	-	-	601.678.106	-	2.271.700.000	2.873.378.106	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	12.452.500.000	12.452.500.000	-	-	-	-	-	12.452.500.000	12.452.500.000	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô, ...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ, mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	19.820.453.371	-	23.936.800.000	43.757.253.371	-	-	-	19.820.453.371	-	23.936.800.000	43.757.253.371	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế, thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án, trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	1.762.964.000	-	1.069.100.000	2.832.064.000	-	-	-	1.762.964.000	-	1.069.100.000	2.832.064.000	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	75.164.927	-	292.000.000	367.164.927	-	-	-	75.164.927	-	292.000.000	367.164.927	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	43.800.000	43.800.000	-	-	-	-	-	43.800.000	43.800.000	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	3.131.181.208	-	3.604.600.000	6.735.781.208	-	-	-	3.131.181.208	-	3.604.600.000	6.735.781.208	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	67.416.056	-	2.241.700.000	2.309.116.056	-	-	-	67.416.056	-	2.241.700.000	2.309.116.056	-	-

STT	Nội dung	1. Chi cục Hải quan khu vực I							2. Chi cục Hải quan khu vực II						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	**3.733.017.600**	**3.733.017.600**	-	-	-	-	-	**11.394.624.800**	**11.394.624.800**	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	3.733.017.600	3.733.017.600	-	-	-	-	-	11.394.624.800	11.394.624.800	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**1.034.021.234**	-	-	**1.034.021.234**	-	-	-	**2.496.459.228**	-	-	**2.496.459.228**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**1.034.021.234**	-	-	**1.034.021.234**	-	-	-	**2.496.459.228**	-	-	**2.496.459.228**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**1.034.021.234**	-	-	**1.034.021.234**	-	-	-	**2.496.459.228**	-	-	**2.496.459.228**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	17.450.000	-	-	17.450.000	-	-	-	505.544.000	-	-	505.544.000	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	*10.516.400*	-	-	*10.516.400*	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	*6.933.600*	-	-	*6.933.600*	-	-	-	*505.544.000*	-	-	*505.544.000*	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô, ...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	627.639.234	-	-	627.639.234	-	-	-	1.890.915.228	-	-	1.890.915.228	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế; thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	-	-	-	-	-	-	-	100.000.000	-	-	100.000.000	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	388.932.000	-	-	388.932.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	3. Chi cục Hải quan khu vực III							4. Chi cục Hải quan khu vực IV						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	**4.740.000.000**	**4.740.000.000**	-	-	-	-	-	**2.198.998.600**	**2.198.998.600**	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	4.740.000.000	4.740.000.000	-	-	-	-	-	2.198.998.600	2.198.998.600	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**1.981.703.205**	-	-	**1.981.703.205**	-	-	-	**296.375.647**	-	-	**296.375.647**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**1.981.703.205**	-	-	**1.981.703.205**	-	-	-	**296.375.647**	-	-	**296.375.647**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**1.981.703.205**	-	-	**1.981.703.205**	-	-	-	**296.375.647**	-	-	**296.375.647**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	21.282.954	-	-	21.282.954	-	-	-	296.375.647	-	-	296.375.647	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	*21.282.954*	-	-	*21.282.954*	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	-	-	-	-	-	-	-	*296.375.647*	-	-	*296.375.647*	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô,...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ, mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	923.720.251	-	-	923.720.251	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế; thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	1.036.700.000	-	-	1.036.700.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	5. Chi cục Hải quan khu vực V							6. Chi cục Hải quan khu vực VI						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	**4.700.000.000**	**4.700.000.000**	-	-	-	-	-	**320.074.000**	**320.074.000**	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	4.700.000.000	4.700.000.000	-	-	-	-	-	320.074.000	320.074.000	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**299.949.931**	-	-	**299.949.931**	-	-	-	**799.852.271**	-	-	**799.852.271**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**299.949.931**	-	-	**299.949.931**	-	-	-	**799.852.271**	-	-	**799.852.271**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**299.949.931**	-	-	**299.949.931**	-	-	-	**799.852.271**	-	-	**799.852.271**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	239.949.931	-	-	239.949.931	-	-	-	500.000.000	-	-	500.000.000	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	*289.280*	-	-	*289.280*	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	*239.660.651*	-	-	*239.660.651*	-	-	-	*500.000.000*	-	-	*500.000.000*	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	60.000.000	-	-	60.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô,...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	-	-	-	-	-	-	-	299.852.271	-	-	299.852.271	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế; thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa, chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	7. Chi cục Hải quan khu vực VII							8. Chi cục Hải quan khu vực VIII						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	**250.000.000**	**250.000.000**	-	-	-	-	-	**310.000.000**	**310.000.000**	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	250.000.000	250.000.000	-	-	-	-	-	310.000.000	310.000.000	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**293.113.308**	-	-	**293.113.308**	-	-	-	**962.398.498**	-	-	**962.398.498**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**293.113.308**	-	-	**293.113.308**	-	-	-	**962.398.498**	-	-	**962.398.498**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**293.113.308**	-	-	**293.113.308**	-	-	-	**962.398.498**	-	-	**962.398.498**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	269.563.000	-	-	269.563.000	-	-	-	45.000.000	-	-	45.000.000	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	*45.000.000*	-	-	*45.000.000*	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	*269.563.000*	-	-	*269.563.000*	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô, ...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	-	-	-	-	-	-	-	554.570.298	-	-	554.570.298	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế, thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	-	-	-	-	-	-	-	350.000.000	-	-	350.000.000	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	23.550.308	-	-	23.550.308	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	12.828.200	-	-	12.828.200	-	-

STT	Nội dung	9. Chi cục Hải quan khu vực IX							10. Chi cục Hải quan khu vực X						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	**680.000.000**	**680.000.000**	-	-	-	-	-	**300.000.000**	**300.000.000**	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	680.000.000	680.000.000	-	-	-	-	-	300.000.000	300.000.000	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**519.995.454**	-	-	**519.995.454**	-	-	-	**260.965.427**	-	-	**260.965.427**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**519.995.454**	-	-	**519.995.454**	-	-	-	**260.965.427**	-	-	**260.965.427**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**519.995.454**	-	-	**519.995.454**	-	-	-	**260.965.427**	-	-	**260.965.427**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	348.769.784	-	-	348.769.784	-	-	-	204.171.810	-	-	204.171.810	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	*137.000.000*	-	-	*137.000.000*	-	-	-	*80.000.000*	-	-	*80.000.000*	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	*211.769.784*	-	-	*211.769.784*	-	-	-	*124.171.810*	-	-	*124.171.810*	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô,...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ, mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,.. phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	151.026.770	-	-	151.026.770	-	-	-	56.793.617	-	-	56.793.617	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế; thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	14.000.000	-	-	14.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	6.198.900	-	-	6.198.900	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	11. Chi cục Hải quan khu vực XI							12. Chi cục Hải quan khu vực XII						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	**625.366.000**	**625.366.000**	-	-	-	-	-	**446.940.000**	**446.940.000**	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	625.366.000	625.366.000	-	-	-	-	-	446.940.000	446.940.000	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**668.587.021**	-	-	**668.587.021**	-	-	-	**499.522.371**	-	-	**499.522.371**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**668.587.021**	-	-	**668.587.021**	-	-	-	**499.522.371**	-	-	**499.522.371**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**668.587.021**	-	-	**668.587.021**	-	-	-	**499.522.371**	-	-	**499.522.371**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô,...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ, mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	498.505.165	-	-	498.505.165	-	-	-	353.258.371	-	-	353.258.371	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế, thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	20.000.000	-	-	20.000.000	-	-	-	146.264.000	-	-	146.264.000	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	95.494.000	-	-	95.494.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	54.587.856	-	-	54.587.856	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	13. Chi cục Hải quan khu vực XIII							14. Chi cục Hải quan khu vực XIV						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	**158.000.000**	**158.000.000**	-	-	-	-	-	**140.600.000**	**140.600.000**	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	158.000.000	158.000.000	-	-	-	-	-	140.600.000	140.600.000	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**449.863.705**	-	-	**449.863.705**	-	-	-	**459.092.697**	-	-	**459.092.697**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**449.863.705**	-	-	**449.863.705**	-	-	-	**459.092.697**	-	-	**459.092.697**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**449.863.705**	-	-	**449.863.705**	-	-	-	**459.092.697**	-	-	**459.092.697**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	217.133.705	-	-	217.133.705	-	-	-	255.452.697	-	-	255.452.697	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	*1.629.000*	-	-	*1.629.000*	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	*140.000.000*	-	-	*140.000.000*	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	*77.133.705*	-	-	*77.133.705*	-	-	-	*253.823.697*	-	-	*253.823.697*	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	203.640.000	-	-	203.640.000	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô,...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	232.730.000	-	-	232.730.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế, thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	15. Chi cục Hải quan khu vực XV							16. Chi cục Hải quan khu vực XVI						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**110.000.000**	**110.000.000**	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	110.000.000	110.000.000	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**336.872.978**	-	-	**336.872.978**	-	-	-	**167.679.152**	-	-	**167.679.152**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**336.872.978**	-	-	**336.872.978**	-	-	-	**167.679.152**	-	-	**167.679.152**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**336.872.978**	-	-	**336.872.978**	-	-	-	**167.679.152**	-	-	**167.679.152**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	256.766.978	-	-	256.766.978	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	*256.766.978*	-	-	*256.766.978*	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô,...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	20.106.000	-	-	20.106.000	-	-	-	167.679.152	-	-	167.679.152	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế, thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	60.000.000	-	-	60.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	17. Chi cục Hải quan khu vực XVII							18. Chi cục Hải quan khu vực XVIII						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	**867.508.000**	**867.508.000**	-	-	-	-	-	**3.026.000.000**	**3.026.000.000**	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	867.508.000	867.508.000	-	-	-	-	-	3.026.000.000	3.026.000.000	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**308.071.518**	-	-	**308.071.518**	-	-	-	**403.572.481**	-	-	**403.572.481**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**308.071.518**	-	-	**308.071.518**	-	-	-	**403.572.481**	-	-	**403.572.481**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**308.071.518**	-	-	**308.071.518**	-	-	-	**403.572.481**	-	-	**403.572.481**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	-	-	-	-	-	-	-	8.508.000	-	-	8.508.000	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	*8.508.000*	-	-	*8.508.000*	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô,...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ, mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	308.071.518	-	-	308.071.518	-	-	-	359.064.481	-	-	359.064.481	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế, thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	-	-	-	-	-	-	-	36.000.000	-	-	36.000.000	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	19. Chi cục Hải quan khu vực XIX							20. Chi cục Hải quan khu vực XX						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	**321.871.000**	**321.871.000**	-	-	-	-	-	**223.000.000**	**223.000.000**	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	321.871.000	321.871.000	-	-	-	-	-	223.000.000	223.000.000	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**241.042.725**	-	-	**241.042.725**	-	-	-	**622.512.106**	-	-	**622.512.106**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**241.042.725**	-	-	**241.042.725**	-	-	-	**622.512.106**	-	-	**622.512.106**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**241.042.725**	-	-	**241.042.725**	-	-	-	**622.512.106**	-	-	**622.512.106**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	115.855.000	-	-	115.855.000	-	-	-	120.750.000	-	-	120.750.000	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	*32.155.000*	-	-	*32.155.000*	-	-	-	*5.500.000*	-	-	*5.500.000*	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	*83.700.000*	-	-	*83.700.000*	-	-	-	*115.250.000*	-	-	*115.250.000*	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	338.038.106	-	-	338.038.106	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô,...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	125.187.725	-	-	125.187.725	-	-	-	163.724.000	-	-	163.724.000	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế; thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	21. Văn phòng Cục Hải quan							22. Ban Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**2.623.047.122**	-	-	**2.623.047.122**	-	-	-	**75.164.927**	-	-	**75.164.927**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**2.623.047.122**	-	-	**2.623.047.122**	-	-	-	**75.164.927**	-	-	**75.164.927**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**2.623.047.122**	-	-	**2.623.047.122**	-	-	-	**75.164.927**	-	-	**75.164.927**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô, ...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	6.041.122	-	-	6.041.122	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế; thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	75.164.927	-	-	75.164.927	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	2.617.006.000	-	-	2.617.006.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	23. Chi cục Điều tra chống buôn lậu							24. Chi cục Kiểm tra sau thông quan						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**3.132.746.044**	-	-	**3.132.746.044**	-	-	-	**500.491.785**	-	-	**500.491.785**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**3.132.746.044**	-	-	**3.132.746.044**	-	-	-	**500.491.785**	-	-	**500.491.785**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**3.132.746.044**	-	-	**3.132.746.044**	-	-	-	**500.491.785**	-	-	**500.491.785**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	1.132.746.044	-	-	1.132.746.044	-	-	-	-	-	-	-	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	*1.132.746.044*	-	-	*1.132.746.044*	-	-	-	-	-	-	-	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng; chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô, ...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	2.000.000.000	-	-	2.000.000.000	-	-	-	500.491.785	-	-	500.491.785	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế; thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

STT	Nội dung	25. Chi cục Kiểm định Hải quan							26. Cơ quan Cục Hải quan						
		Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm	Đơn vị được sử dụng		Dự kiến tiết kiệm 10% thực hiện an sinh xã hội		Tiết kiệm chi thường xuyên theo Nghị quyết số 135/NQ-CP		Chênh lệch tăng/giảm
		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm		Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=1-2+3-4+5-6*
A	**DỰ TOÁN THU**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
1	Số thu phí được để lại sử dụng	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	**DỰ TOÁN CHI - NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**	-	**1.446.051.763**	-	-	**1.446.051.763**	-	-	**4.340.027.218**	**9.135.024.620**	-	**112.299.000.000**	**117.093.997.402**	-	-
I	**QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (Khoản 341)**	-	**1.446.051.763**	-	-	**1.446.051.763**	-	-	**4.340.027.218**	**9.135.024.620**	-	**112.299.000.000**	**117.093.997.402**	-	-
1	**Kinh phí thực hiện tự chủ**	-	-	-	-	-	-	-	**4.340.027.218**	-	-	**43.980.200.000**	**39.640.172.782**	-	-
1.1	Chi quản lý hành chính theo định mức	-	-	-	-	-	-	-	4.340.027.218	-	-	43.980.200.000	39.640.172.782	-	-
2	**Kinh phí không thực hiện tự chủ**	-	**1.446.051.763**	-	-	**1.446.051.763**	-	-	-	**9.135.024.620**	-	**68.318.800.000**	**77.453.824.620**	-	-
2.1	Chi mua sắm, sửa chữa tài sản, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	22.406.600.000	22.406.600.000	-	-
a	*Chi mua sắm tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*280.500.000*	*280.500.000*	-	-
b	*Chi sửa chữa tài sản*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*7.861.600.000*	*7.861.600.000*	-	-
c	*Chi sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo, nâng cấp hạng mục công trình*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*14.264.500.000*	*14.264.500.000*	-	-
2.2	Chi thuê kênh truyền	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.271.700.000	2.271.700.000	-	-
2.3	Chi mua vật tư, ấn chỉ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	12.452.500.000	12.452.500.000	-	-
2.4	Các nghiệp vụ đặc thù về chống buôn lậu, kiểm tra, kiểm soát, tình báo hải quan; bảo quản, lưu giữ, xử lý tang vật vi phạm, hàng tồn đọng, chi điện, nhiên liệu, nhân công vận hành máy móc, trang thiết bị chuyên dùng như máy soi, tàu, thuyền, ca nô,...; đánh giá an toàn bức xạ, cấp phép vận hành đối với máy soi container, máy soi hành lý; chi nuôi, tập luyện chó nghiệp vụ; mua bảo hiểm, đăng kiểm cho tàu, thuyền,... phục vụ công tác chuyên môn của ngành Hải quan	-	1.446.051.763	-	-	1.446.051.763	-	-	-	9.135.024.620	-	23.936.800.000	33.071.824.620	-	-
2.5	Các khoản chi chuyên môn nghiệp vụ khác của ngành Hải quan (như: ủy nhiệm thu thuế; thuê luật sư bảo vệ quyền lợi của Nhà nước, của cơ quan hải quan trước tòa án; trưng cầu giám định về phân tích phân loại hàng hóa; chi chuyển phát nhanh seal định vị điện tử)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.069.100.000	1.069.100.000	-	-
2.6	Chi tiền lương và chi hoạt động cho viên chức làm việc trong cơ quan hành chính	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	292.000.000	292.000.000	-	-
2.7	Kinh phí duy trì hoạt động Cổng thông tin thương mại quốc gia (VTIP)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	43.800.000	43.800.000	-	-
2.8	Chi thực hiện các nhiệm vụ triển khai, phối hợp với các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực Hải quan	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	3.604.600.000	3.604.600.000	-	-
2.9	Chi tuyên truyền phục vụ công tác toàn ngành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.241.700.000	2.241.700.000	-	-